



ta hay dùng cách thứ hai, phương pháp gián tiếp để chỉ tỷ giá hối đoái.

Tỷ giá hối đoái là một công cụ kinh tế vì mô chủ yếu để điều tiết cán cân thương mại quốc tế theo mục tiêu đã định trước của nhà nước. Bởi vì tỷ giá hối đoái có tác động rất lớn đến xuất nhập khẩu hàng hoá, xuất nhập khẩu tư bản (vốn), giá cả hàng hóa trong nước, do đó nó có cùng tác động không nhỏ đến nền kinh tế quốc dân của một nước. Khi tỷ giá giảm, tức giá trị đồng nội tệ giảm nên giá cả hàng hoá xuất khẩu tính bằng tiền nước ngoài giảm, sức cạnh tranh của hàng hoá đó trên thị trường thế giới

Trong điều kiện của một nền kinh tế thị trường mở, thương mại quốc tế trở thành phổ biến, việc thanh toán giữa các quốc gia nhất thiết phải sử dụng tiền tệ của nước này hay nước khác. Để thực hiện việc chuyển đổi tiền tệ nước này sang nước khác, các quốc gia phải dựa vào tỷ giá hối đoái (hối suất). Tỷ giá hối đoái là mối quan hệ giữa giá trị đồng tiền nước này với giá trị đồng tiền nước khác. Trên thế giới có hai cách niêm yết tỷ giá hối đoái: trực tiếp (direct quotation) và gián tiếp (indirect quotation). Theo phương pháp trực tiếp thì tỷ giá hối đoái tăng giảm ngược chiều với giá trị đồng tiền trong nước (nội tệ), còn theo phương pháp gián tiếp thì tỷ giá hối đoái tăng giảm cùng chiều với giá trị đồng nội tệ. Thông thường người

CHẾ ĐỘ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. NGUYỄN VĂN TRÌNH



2 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

sẽ tăng lên có tác dụng đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá. Đồng thời việc tỷ giá giảm làm cho giá hàng hoá nhập khẩu tăng lên dẫn đến hạn chế nhập khẩu. Ngược lại, khi tỷ giá tăng, nghĩa là giá trị đồng nội tệ tăng thì có tác động giảm xuất khẩu và tăng nhập khẩu hàng hoá.

Tỷ giá thay đổi cũng có tác động điều tiết việc di chuyển tư bản (vốn) từ quốc gia này sang quốc gia khác. Việc di chuyển tư bản trên thế giới nhằm mục đích là tìm kiếm lợi nhuận và tránh rủi ro. Do vậy, nếu tỷ giá giảm, trong trường hợp người ta dự đoán tỷ giá không tiếp tục giảm nữa thì tư bản

nhập khẩu sẽ gia tăng và tư bản xuất khẩu sẽ giảm. Nếu tỷ giá tăng, trong điều kiện dự đoán nó không tiếp tục tăng nữa thì tư bản xuất khẩu sẽ tăng và tư bản nhập khẩu sẽ giảm.

Ngoài các nhân tố khác, vật giá trong một quốc gia còn chịu sự tác động của tỷ giá hối đoái. Khi tỷ giá giảm, giá tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng nhập khẩu sẽ tăng lên kéo theo giá các mặt hàng liên quan trong nước cũng sẽ tăng theo. Đồng thời do tác động giảm nhập khẩu nên cầu về hàng hoá nhập khẩu cũng sẽ gia tăng, tất điều đó làm cho giá cả chung trong nền kinh tế cũng gia tăng. Ngược lại khi tỷ giá tăng sẽ có tác động làm cho mức giá chung giảm.

Những tác động kể trên của tỷ giá đến nền kinh tế quốc dân làm cho các nhà quản lý nhà nước ở các quốc gia đều muốn quản lý, điều tiết tỷ giá theo những mục tiêu kinh tế-xã hội đã định.

Tuy nhiên, trước đây trong điều kiện của nền kinh tế kế hoạch tập trung, tác dụng điều tiết của tỷ giá hối đoái bị hạn chế rất nhiều và hầu như không phát huy tác dụng. Điều đó thể hiện ở chỗ, trước đây các hoạt động thương mại đều do các công ty thương mại quốc doanh thực hiện theo kế hoạch của nhà nước. Hoạt động của các công ty này không phải là lợi nhuận mà là hoàn thành kế hoạch của nhà nước giao. Lãi nhà nước thu, còn lỗ nhà nước cấp bù. Trong điều kiện đó, tỷ giá hối đoái rất ít có tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu. Có thể nói nếu giá hàng xuất khẩu giảm mà kế hoạch xuất khẩu đã định thì cũng phải thực hiện dù có lỗ là cũng được, còn giá hàng nhập khẩu tăng lên mà kế hoạch nhập đã vạch ra thì cũng phải tăng nhập khẩu theo kế hoạch. Đồng thời, tác dụng điều tiết của tỷ giá hối đoái với xuất nhập khẩu tư bản cũng rất yếu. Bởi vì, tiền tệ không được tự do chuyển đổi nên cho dù quy định tỷ giá như thế nào thì tư bản quốc tế cũng khó mà du nhập vào được. Với cơ chế kế hoạch hoá tập trung thì giá cả cũng được ấn định theo kế hoạch chứ không do thị trường quyết định nên tỷ giá hối đoái cũng không có tác động đến giá cả trong nước.

Trong một thời gian dài ở nước ta tỷ giá hối đoái cố định được ấn định rất cao, vừa không phản ánh đúng quan hệ cung cầu trên thị trường ngoại hối, vừa không phản ánh đúng giá trị của đồng tiền nội tệ. Có thể nói tỷ giá hối đoái của đồng tiền Việt Nam lúc bấy giờ chỉ là hệ số quy đổi để các công ty thương mại quốc doanh lập kế hoạch và tính toán nội bộ. Tất cả điều đó làm cho nền kinh tế nước ta trong một thời gian dài bị khủng hoảng trầm trọng. Xuất

hiện nhiều tỷ giá khác nhau: tỷ giá chính thức do nhà nước quy định cao và các tỷ giá trên thị trường tự do theo quan hệ cung cầu.

Tuy nhiên, trong xu thế cải cách từ một nền kinh tế kế hoạch đóng cửa sang một nền kinh tế thị trường mở, thể chế kinh tế mới ngày càng được xác lập và phát triển. Để thích ứng với nền kinh tế thị trường, đòi hỏi trong kinh tế đối ngoại cần triệt để phát huy tác dụng điều tiết của tỷ giá hối đoái đối với xuất nhập khẩu hàng hoá, xuất nhập khẩu tư bản.

Nhưng vấn đề đặt ra là cần phải xác định chế độ tỷ giá hối đoái nào: cố định, thả nổi hoàn toàn hay thả nổi có kiểm soát. Một cuộc tranh luận về những chế độ tỷ giá hối đoái đã nổ ra. Thế giới đã chuyển từ chế độ tỷ giá cố định, được thực hiện từ sau chiến tranh Thế giới II đến đầu năm 1973, sang chế độ tỷ giá thả nổi, linh hoạt thay đổi hàng ngày. Nhưng vào cuối những năm 80 chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn bộc lộ tác động tiêu cực đến các nền kinh tế và người ta bắt đầu nghĩ đến một chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết, nhằm hạn chế những tác động của chế độ tỷ giá quá linh hoạt. Hiện nay, các chính phủ đều muốn can thiệp để hạn chế những biến động trong các tỷ giá của nước mình chứ không muốn để cho tỷ giá được điều chỉnh một cách tự do. Khi không có sự can thiệp của chính phủ những biến động lên xuống mạnh mẽ của tỷ giá, một mặt là cần thiết để cân bằng cung cầu trong thời gian ngắn, nhưng mặt khác nó lại gây ra những biến động không đáng mong muốn cho giá cả và đầu ra ở trong nước.

Đối với Việt Nam trong thời gian trước mắt chưa thể thực hiện được mậu dịch tự do hoàn toàn nên không thể áp dụng chế độ tỷ giá linh hoạt, thả nổi hoàn toàn, bởi vì: Thứ nhất, do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất chưa cao, độ co giãn của cung hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam chưa nhiều, nên nếu thả nổi tỷ giá thì xuất khẩu cũng không tăng lên mạnh mẽ và nhập khẩu cũng không thể giảm nhiều được, cũng không thể kỳ vọng vào việc thả nổi tỷ giá để tự điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế được. Ngược lại, việc thả nổi tỷ giá hoàn toàn lại có khả năng làm cho thương mại không ổn định và dẫn đến nạn đầu cơ tỷ giá, mang lại hậu quả tiêu cực cho nền kinh tế.

Thứ hai, do nền kinh tế thị trường chưa phát triển, chưa có điều kiện để thả nổi tỷ giá hoàn toàn. Đặc biệt là do thị trường tài chính tiền tệ chưa phát triển, chưa có thị trường chứng khoán, nên chưa tạo được điều kiện thật tốt cho xuất nhập khẩu hàng hoá và tư bản. Tất cả điều đó làm cho việc thả nổi tỷ giá sẽ không

mang lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế Việt Nam.

Từ những điều kể trên, trong điều kiện hiện nay Việt Nam không nên áp dụng chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn mà nên áp dụng chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết của nhà nước. Nghĩa là tỷ giá do nhà nước điều tiết bằng nhiều biện pháp căn cứ vào yêu cầu tổng thể phát triển của nền kinh tế. Việc áp dụng chế độ tỷ giá thả nổi có điều tiết sẽ có các điều lợi sau: Một là, nó phản ánh kịp thời mọi quan hệ cung cầu trên thị trường, tránh được tình trạng xác định tỷ giá quá cố định, xa rời thực tế của nền kinh tế. Hai là, sự can thiệp kịp thời của nhà nước đến tỷ giá sẽ tránh được những biến động không mong muốn có ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh tế-xã hội. Ba là, giúp cho các doanh nghiệp thương mại có cơ sở để quyết định chính sách kinh doanh của mình, bởi vì họ có thể dự đoán được một cách tương đối các giá cả, chứ không phải luôn vật lộn với những biến động thất thường của một chế độ tỷ giá linh hoạt hoàn toàn.

Theo xu hướng đó, từ năm 1989 nhà nước đã bắt đầu áp dụng chính sách tỷ giá thả nổi có kiểm soát, đồng thời cố gắng thống nhất các tỷ giá hối đoái bằng cách thường xuyên điều chỉnh tỷ giá hối đoái chính thức cho phù hợp với tỷ giá trên thị trường tự do. Đến giữa năm 1991, việc thống nhất tỷ giá đã được hoàn thành và hiện nay tỷ giá được Ngân hàng nhà nước niêm yết căn cứ vào kết quả của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng ở cuối buổi giao dịch chiều hôm trước. Việc áp dụng chế độ tỷ giá này đã phát huy những ưu điểm nhất định, vừa thúc đẩy xuất khẩu gia tăng vừa ổn định được thị trường ngoại hối, giúp cho nền kinh tế quốc dân phát triển một cách ổn định, đời sống kinh tế-xã hội không bị xáo trộn cho dù có chịu sự tác động không nhỏ của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực vừa qua. Điều đó thể hiện rất rõ khi tỷ giá hối đoái đang được nhà nước điều tiết giảm từ từ để thúc đẩy xuất khẩu gia tăng, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, rút ngắn chênh lệch giữa xuất và nhập. Năm 1999 nhập siêu của Việt Nam chỉ vào khoảng 400 triệu USD là con số thấp nhất từ trước đến nay. Một dấu hiệu khả quan cho năm 2000 là ngay từ đầu năm, kim ngạch xuất nhập khẩu đã có dấu hiệu chuyển biến tích cực. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 900 triệu USD tăng 19% so với 1/1999, cao gần gấp đôi kế hoạch đề ra cho cả năm (10-11%) và tỷ lệ nhập siêu khoảng 5,5% cũng là một tỷ lệ thấp so với trước đây ■